UBND HUYỆN DIỄN CHÂU
Phòng Tài Chính – KH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Diễn Châu, ngày 02 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO
XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2020

Đơn vị được thông báo: Trường THCS Diễn Cát

Mã chương: 622

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm;

Căn cứ báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020 của trường THCS Diễn Cát và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 29 giữa phòng Tài Chính - KH và trường THCS Diễn Cát ;

Phòng Tài Chính KH thông báo kết quả xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2020 của trường THCS Diễn như sau:

I Phần số liệu quyết toán:

1 Thu chi hoạt động sự nghiệp:

Nội dung	Số tiền	Đơn vị tính
- KP năm trước chuyển sang:	**88.969.597**	đồng
- Tổng số thu trong năm:	**507.469.000**	**đồng**
+ Học phí	172.950.000	đồng
+ Học thêm	307.867.000	đồng
+ Nguồn khác	26.652.000	đồng
- Tổng số chi đề nghị quyết toán trong năm:	**415.389.821**	**đồng**
+ Học phí	225.250.000	đồng
+ Học thêm	164.777.821	đồng
+ Nguồn khác	25.362.000	đồng
- Tổng số chi được chấp nhận quyết toán trong năm:	**415.389.821**	**đồng**
+ Học phí	225.250.000	đồng
+ Học thêm	164.777.821	đồng
+ Nguồn khác	25.362.000	đồng
(Số liệu chi tiết có phụ lục 3.1 đính kèm)		
- KP chưa sử dụng chuyển năm sau:	**181.048.776**	**đồng**

2 Quyết toán Thu - chi ngân sách NN:

Nội dung	Số tiền	Đơn vị tính
- Số dư năm trước chuyển sang:	0	đồng
- Tổng dự toán thực nhận trong năm:	5.810.875.000	
- Tổng số kinh phí chi đề nghị quyết toán:	5.810.875.000	đồng
(Số liệu chi tiết có phụ lục 3.2 đính kèm)		
- Tổng số kinh phí chi được chấp nhận quyết toán:	5.810.875.000	đồng
(Số liệu chi tiết có phụ lục 3.2 đính kèm)		
- Số dư chuyển sang năm sau	0	đồng

3 Các khoản thu khác tại trường:

Số liệu theo báo cáo trên sổ sách kế toán của nhà trường, các khoản thu đơn vị không báo cáo trên sổ kế toán đơn vị tự chịu trách nhiệm. (số liệu chi tiết theo phụ lục số 03 kèm theo).

II Thuyết minh số liệu quyết toán:

III. Nhận xét và kiến nghị:

1 Nhận xét:

- Hồ sơ công khai tài chính không có dự toán chi tiết kèm theo, thiếu biểu mẫu theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- Đầu năm đơn vị chưa lập dự toán chi tiết các nguồn kinh phí để thông qua Hội nghị CBCCVC
- Nguồn thu học phí, học thêm, gửi xe đạp, ủng hộ tài trợ đơn vị chưa nộp đủ số thu được vào tài khoản tiền gửi tại KBNN
- Công khai tài chính chưa đầy đủ biểu mẫu và thời gian công khai theo quy định tại Thông tư 61/2017/TT-BTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính
- Một số thiếu sót, chưa chặt chẽ về chứng từ chi tiêu như đã nêu trong biên bản xét duyệt quyết toán.

2 Kiến nghị:

- Thực hiện thu các khoản trong nhà trường theo quy định tại các văn bản của cấp có thẩm quyền.
- Theo dõi đầy đủ vào hệ thống sổ sách các khoản thu; Các khoản thu phải nộp vào tài khoản của đơn vị tại KBNN theo quy định, tuyệt đối không được tọa chi tại đơn vị.
- Quản lý, theo dõi, phân loại tài sản cố định và thực hiện quy trình mua sắm theo đúng chế độ hiện hành
- Hàng năm đơn vị phải thực hiện công khai tài chính theo nội dung và mẫu biểu quy định của Nhà nước, lưu trữ hồ sơ công khai tài chính theo quy định.

Biên bản này được thành lập 3 bản, Phòng Tài chính - KH 1 bản, phòng Giáo dục & Đào tạo 1 bản, đơn vị 1 bản./.

Nơi nhận:
- *Phòng GD&ĐT (để phối hợp);*
- *Trường THCS Diễn Cát;*
- *Lưu TC-KH.*

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TC-KH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH
H. DIỄN CHÂU - T. NGHỆ AN

Lê Thị Ngọc Bích

PHÒNG TÀI CHÍNH - KH DIỄN CHÂU

Phụ lục: 3.1

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ : Chương 622 LK 071

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2020 của trường THCS Diễn ...)

ĐVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số đơn vị quyết toán	Số xét duyệt
1	**Kinh phí năm trước chuyển sang**	**88.969.597**	**88.969.597**
1.1	Trong đó:- *Nguồn ngân sách Huyện :*	*0*	0
1.2	*- Học phí:*	67.477.557	67.477.557
1.3	*- Nguồn khác*	*21.492.040*	*21.492.040*
	- Học thêm	21.071.040	21.071.040
	- Nguồn khác	421.000	421.000
2	**Kinh phí thực nhận trong năm**	**6.318.344.000**	**6.318.344.000**
2.1	Trong đó:+ *Nguồn ngân sách Huyện :*	*5.810.875.000*	5.810.875.000
2.2	*+ Học phí:*	*172.950.000*	172.950.000
2.3	*+ Nguồn khác*	*334.519.000*	*334.519.000*
	- Học thêm	307.867.000	307.867.000
	- Nguồn khác	26.652.000	26.652.000
3	**Kinh phí được sử dụng trong năm**	**6.407.313.597**	**6.407.313.597**
3.1	Trong đó:- *Nguồn ngân sách Huyện :*	*5.810.875.000*	5.810.875.000
3.2	*- Nguồn học phí*	*240.427.557*	*240.427.557*
3.3	*- Nguồn khác*	*356.011.040*	*356.011.040*
	- Học thêm	328.938.040	328.938.040
	- Nguồn khác	27.073.000	27.073.000
4	**Chi hoạt động quyết toán trong năm**	**6.226.264.821**	**6.226.264.821**
4.1	Trong đó: - *Nguồn ngân sách Huyện :*	*5.810.875.000*	*5.810.875.000*
4.2	*- Học phí*	*225.250.000*	*225.250.000*
4.3	*- Nguồn khác*	*190.139.821*	*190.139.821*
	- Học thêm	164.777.821	164.777.821
	- Nguồn khác	25.362.000	25.362.000
5	**Kinh phí chưa QT năm sau**	**181.048.776**	**181.048.776**
5.1	Trong đó: - *Nguồn ngân sách Huyện :*	*0*	*0*
5.2	*- Nguồn học phí*	*15.177.557*	*15.177.557*
5.3	*- Nguồn khác*	*165.871.219*	*165.871.219*
	- Học thêm	164.160.219	164.160.219
	- Nguồn khác	*1.711.000*	1.711.000

Phụ lục 04

D. CÁC NỘI DUNG CẤP KHÔNG TỰ CHỦ:

ĐVT: đồng

TT	Mục/TM	Nội dung	Số đơn vị đề nghị quyết toán			Số thẩm tra quyết toán		
			Tổng số	Nguồn 12	Nguồn 15	Tổng số	Nguồn 12	Nguồn 15
1		**KP thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP**	19.200.000	19.200.000	0	19.200.000	19.200.000	0
2.1	7766	*Chế độ miễn giảm học phí*	*13.200.000*	*13.200.000*		*13.200.000*	*13.200.000*	*0*
2.2	6157	*Chi phí học tập*	*6.000.000*	*6.000.000*		*6.000.000*	*6.000.000*	*0*
2		**Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật theo TT 42**	11.728.000	11.728.000		11.728.000	11.728.000	0
	6151	*Hỗ trợ học bổng*	*10.728.000*	*10.728.000*		*10.728.000*	*10.728.000*	
	6157	*Hồ trợ mua đồ dùng học tập*	*1.000.000*	*1.000.000*		*1.000.000*	*1.000.000*	
3	**6105**	**Kinh phí hỗ trợ cho giáo viên tham gia tập huấn, bồi dưỡng modul1**	4.739.000		4.739.000	4.739.000		4.739.000
4	**7001**	**Kinh phí hỗ trợ triển khai phần mềm các khoản thu**	9.500.000		9.500.000	9.500.000		9.500.000
5	**7001**	**KP hỗ trợ tài khoản tập huấn GV + phần mềm văn bản**	15.000.000	15.000.000		15.000.000	15.000.000	0
		Tổng cộng	**60.167.000**	**45.928.000**	**14.239.000**	**60.167.000**	**45.928.000**	**14.239.000**

PHÒNG TÀI CHÍNH - KH DIỄN CHÂU

Phụ lục: 3.2

TÌNH HÌNH CHI HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2020 của trường THCS Diễn Cát)

ĐVT: đồng

Mục	Số đơn vị đề nghị quyết toán					Số sau khi thẩm tra quyết toán				
	Tổng số	Nguồn 13	Nguồn 12	Nguồn 15	Học phí	Tổng số	Nguồn 13	Nguồn 12	Nguồn 15	Học phí
6000	3.050.477.006	2.965.997.006			84.480.000	3.050.477.006	2.965.997.006	0	0	84.480.000
6100	1.565.592.771	1.560.853.771		4.739.000		1.565.592.771	1.560.853.771	0	4.739.000	0
6150	17.728.000		17.728.000			17.728.000	0	17.728.000	0	0
6200	32.770.000				32.770.000	32.770.000	0	0	0	32.770.000
6300	857.472.455	857.472.455				857.472.455	857.472.455	0	0	0
6400	10.220.000	10.220.000				10.220.000	10.220.000	0	0	0
6500	16.241.310	16.241.310				16.241.310	16.241.310	0	0	0
6550	64.330.000	31.582.000			32.748.000	64.330.000	31.582.000	0	0	32.748.000
6600	5.825.200	5.825.200				5.825.200	5.825.200	0	0	0
6650	3.000.000				3.000.000	3.000.000	0	0	0	3.000.000
6700	30.470.000	30.270.000			200.000	30.470.000	30.270.000	0	0	200.000
6750	51.064.000	47.764.000			3.300.000	51.064.000	47.764.000	0	0	3.300.000
6900	100.856.000	48.123.000			52.733.000	100.856.000	48.123.000	0	0	52.733.000
6950	0					0	0	0	0	0
7000	142.825.258	103.426.258	15.000.000	9.500.000	14.899.000	142.825.258	103.426.258	15.000.000	9.500.000	14.899.000
7550	0					0		0	0	0
7750	87.253.000	72.933.000	13.200.000		1.120.000	87.253.000	72.933.000	13.200.000	0	1.120.000
Tổng cộng	**6.036.125.000**	**5.750.708.000**	**45.928.000**	**14.239.000**	**225.250.000**	**6.036.125.000**	**5.750.708.000**	**45.928.000**	**14.239.000**	**225.250.000**

PHÒNG TÀI CHÍNH - KH DIỄN CHÂU **Phụ lục 3.3**

TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÁC KHOẢN THU KHÁC TẠI TRƯỜNG

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán năm 2020 của trường THCS Diễn Cát)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số dư năm trước chuyển sang	Số thu trong năm	Tổng chi trong năm	Số dư chuyển năm sau	Số thu đã nộp TK tại KBNN hoặc Ngân hàng
1	Tài trợ Giáo dục	63.537.000	182.800.000	124.255.000	122.082.000	174.400.000
2	Học thêm	21.071.040	307.867.000	164.777.821	164.160.219	289.160.000
3	Học chương trình tăng cường	0	0	0	0	0
4	Gửi xe đạp	421.000	26.652.000	25.362.000	1.711.000	0
5	Chăm sóc sức khỏe ban đầu		27.415.464	15.042.421	12.373.043	0
6	Chi khác	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**85.029.040**	**544.734.464**	**329.437.242**	**300.326.262**	**463.560.000**